

Số: ~~892~~/TB-CCTHADS

Ia Grai, ngày 28 tháng 5 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc công khai lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 101 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 08/2020/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 51/QĐ-CCTHADS ngày 03 tháng 11 năm 2020 và Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 288/QĐ-CCTHADS ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 42/QĐ-CCTHADS ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Biên bản kê biên, xử lý tài sản vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 0852/04.21/THA/GLI/EXIMA ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Công ty CP thẩm định giá EXIM,

Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai thông báo công khai về việc lựa chọn Tổ chức bán đấu giá tài sản như sau:

1. Bên có tài sản đấu giá: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai – Địa chỉ: 199 Hùng Vương, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

2. Thông tin về tài sản: Tài sản kê biên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Ông **Lê Thanh Tùng** và bà **Trần Thị Hằng** – Địa chỉ: Thôn 1, xã Ia Hrun, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Gồm:

I Quyền sử dụng đất thửa số 55, tờ bản đồ số 42: Thôn 1 Xã Ia Hrun, Huyện Ia Grai, Gia Lai					
ST T	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)		Giá trị tài sản (đồng)
1	Đất TCLN	1294,7	162.791		210.765.116
2	Hạng mục	Số lượng (cây/ cái)	Đơn giá (đồng/m ²)	Năm	Giá trị tài sản (đồng)

	Cây Cà Phê	140	370.000	2.017	51.800.000
	Cây măng cầu	2	120.000	2.019	240.000
	Cây mít	10	245.000	2.016	2.450.000
	Cây sầu riêng	12	162.000	2.016	1.944.000
Tổng II					56.434.000
Tổng 1+2					267.199.116
II	Quyền sử dụng đất thửa số 17, tờ bản đồ số 42: Thôn 1 Xã Ia Hrug, Huyện Ia Grai, Gia Lai				
ST T	Hạng mục	Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng/m²)		Giá trị tài sản (đồng)
1	Đất TCLN	5792,5	34.783		201.478.261
2	Hạng mục	Số lượng (cây/ cái)	Đơn giá (đồng/m²)	Năm	Giá trị tài sản (đồng)
	Cây Cà Phê	600	230.000	1.995	138.000.000
Tổng					138.000.000
Tổng 1 + 2					339.478.261
III	Quyền sử dụng đất thửa số 181, tờ bản đồ số 42: Thôn 1 Xã Ia Hrug, Huyện Ia Grai, Gia Lai				
ST T	Hạng mục	Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng/m²)		Giá trị tài sản (đồng)
1	Đất TCLN	1138,6	34.783		39.603.478
2	Hạng mục	Số lượng (cây/ cái)	Đơn giá (đồng/m²)	Năm	Giá trị tài sản (đồng)
	Cây Cà Phê	83	230.000	1.995	19.090.000
Tổng					19.090.000
Tổng 1 + 2					58.693.478
IV	Quyền sử dụng đất thửa số 182, tờ bản đồ số 42: Thôn 1 Xã Ia Hrug, Huyện Ia Grai, Gia Lai				
ST T	Hạng mục	Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng/m²)		Giá trị tài sản (đồng)
I					
1	Đất TCLN	2538,8	34.783		88.306.087
2	Hạng mục	Số lượng (cây/ cái)	Đơn giá (đồng/m²)	Năm	Giá trị tài sản (đồng)
	Cây Cà Phê	198	230.000	1.995	45.540.000
Tổng					45.540.000
Tổng 1 + 2					133.846.087

V Quyền sử dụng đất thửa số 87, tờ bản đồ số 32: Thôn 1 Xã Ia Hrug, Huyện Ia Grai, Gia Lai					
ST T	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá		Giá trị tài sản
		(m²)	(đồng/m²)		(đồng)
1	Đất TCLN	9714,2	44.397		431.285.835
2	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá	Năm	Giá trị tài sản
		(cây/ cái)	(đồng/m²)		(đồng)
	Cây Cà Phê	920	230.000	1.995	211.600.000
Tổng					211.600.000
Tổng 1 + 2					642.885.835
VI Quyền sử dụng đất thửa số 77(số mới) 91, tờ bản đồ số 22: Thôn 1 Xã Ia Hrug, Huyện Ia Grai, Gia Lai					
ST T	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá		Giá trị tài sản
		(m²)	(đồng/m²)		(đồng)
1	Đất ở	200	177.590		35.517.970
2	Đất TCLN	6147	44.397		272.911.205
Tổng 1 + 2					308.429.175
VI I Quyền sử dụng đất thửa số 2, tờ bản đồ số 29 : Thôn Thanh Bình, xã Ia Bả, Huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai					
ST T	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá		Giá trị tài sản
		(m²)	(đồng/m²)		(đồng)
1	Đất TCLN	16224	45.034		730.624.814
2	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá	Năm	Giá trị tài sản
		(cây/ cái)	(đồng/m²)		(đồng)
	Cây sầu riêng	6	162.000	2.017	972.000
	Cây sầu riêng	28	76.000	2.019	2.128.000
	Cây bơ	3	272.000	2.017	816.000
	Cây cà phê chè	1100	100.000	2.019	110.000.000
	Trụ Tiêu sống	100	42.000		4.200.000
	Trụ Tiêu Bê tông	600	30.000		18.000.000
	Cây Cà Phê Vối	400	296.000		118.400.000
	Cây mít	5	44.000		220.000
Tổng					254.736.000
Tổng 1 + 2					985.360.814

VI II	Quyền sử dụng đất thửa số 3, tờ bản đồ số 29: Thôn Thanh Bình, xã Ia Bă, Huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai				
ST T	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)		Giá trị tài sản (đồng)
1	Đất TCLN	18924	45.034		852.215.483
2	Hạng mục	Số lượng (cây/ cái)	Đơn giá (đồng/m ²)	Năm	Giá trị tài sản (đồng)
	Cây mít	7	44.000	2.017	308.000
	cây bờ lờ	150	120.000	2.019	18.000.000
	cây cà phê vối	1350	116.000	2.016	156.600.000
	Cà Phê chè	500	162.000	2.016	81.000.000
	Trụ tiêu sống kinh doanh	200	734.000		146.800.000
	trụ tiêu sống kém phát triển	900	42.000		37.800.000
	Trụ Tiêu Bê tông	250	30.000		7.500.000
Tổng II					448.008.000
Tổng 1 + 2					1.300.223.483
IX	Quyền sử dụng đất thửa số 2, tờ bản đồ số 24a : Làng Ograng, xã Ia Péc 1 phần thôn 6 xã Ia Tô, huyện Ia Grai				
ST T	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)		Giá trị tài sản (đồng)
1	Đất TCLN	44700	29.753		1.329.951.175
2	Hạng mục	Số lượng (cây/ cái)	Đơn giá (đồng/m ²)	Năm	Giá trị tài sản (đồng)
	Cây Cao Su	1168	250.000	2015	292.000.000
	Cây cà phê	2277	130.500	2016	297.148.500
	Cây điều	29	194.000	2017	5.626.000
	Cây bơ	122	101.000	2018	12.322.000
	Cây Chôm Chôm	84	104.000	2018	8.736.000
Tổng					615.832.500
Tổng 1 + 2					1.945.783.675
X	Quyền sử dụng đất thửa số 1, tờ bản đồ số 24a : thôn 6, Xã Ia Tô, huyện IaGrai				
ST T	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)		Giá trị tài sản (đồng)
1	Đất TCLN	51072	29.753		1.519.536.161

2	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá	Năm	Giá trị tài sản
		(cây/ cái)	(đồng/m ²)		(đồng)
	Cây Cao Su	1085	250.000	2015	271.250.000
	Cây cà phê	907	130.500	2016	118.363.500
	Trụ tiêu	1312	42.000		55.104.000
	cây sầu riêng	1	76.000	2019	76.000
	Cây xoài	3	104.000	2019	312.000
	Cây măng cầu	1	120.000	2018	120.000
	Cây mít	3	370.000	2017	1.110.000
	Cây mận	1	110.000	2018	110.000
	Tổng				446.445.500
3	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá	CLCL	Giá trị tài sản
		(m ²)	(đồng/m ²)		(đồng)
	Nhà ở riêng lẻ	98,9	266.400	32%	8.379.792
	Nhà vệ sinh + Nhà tắm độc lập	5,6	2.330.000	30%	3.914.400
	Giếng nước đào	1	27.601.920	30%	8.280.576
	Tổng				20.574.768
	Tổng 1 + 2 + 3				1.986.556.429
XI	Quyền sử dụng đất thửa số 39, tờ bản đồ số 49 : thôn 2 , thị trấn Ia Kha , Iagrai				
	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá		Giá trị tài sản
		(m ²)	(đồng/m ²)		(đồng)
	Đất TCLN	6001,4	142.857		857.342.857

Tổng giá trị tài sản: **8.825.799.210 đồng** (Tám tỷ tám trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn hai trăm mười đồng).

3. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức đấu giá: Theo khoản 4 Điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016.

- Tổ chức đấu giá có cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo phù hợp cho việc bán đấu giá các loại tài sản trên.

- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả;

- Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của Tổ chức đấu giá;

- Về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp;

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp/Sở Tư pháp tỉnh/thành công bố.

4. Hồ sơ của Tổ chức đấu giá tài sản: Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản; Hồ sơ năng lực và các tài liệu khác có liên quan.

Tổ chức đấu giá tài sản cung cấp bản chính hoặc sao y bản chính các giấy tờ, tài liệu do tổ chức mình ban hành; cung cấp bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu khác không do tổ chức mình ban hành. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức đấu giá tài sản không được lựa chọn.

5. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức đấu giá:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc: ngày 28 tháng 5, ngày 31 và ngày 01 tháng 6 năm 2021 (Giờ hành chính).

- Hình thức, địa điểm nộp hồ sơ: Trực tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai – Địa chỉ: 199 Hùng Vương, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

6. Chi tiết liên hệ:

Ông Lê Trung Dũng – Chấp hành viên. Điện thoại: 0905 154 274.

Vậy, thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết và nộp hồ sơ đúng thời hạn quy định.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang thông tin điện tử Cục THADS tỉnh Gia Lai (Đăng tin);
- Cổng thông tin điện tử của Tổng cục THADS;
- Lưu: VT, HSTHADS.

CHẤP HÀNH VIÊN



Lê Trung Dũng